

Số: 47/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 02/8/2022.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TT – TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Lân;
2. Ông Châu Rot Tha.

- Thư ký phiên tòa: Ông Châu Chanh Đô Ra - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TT.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT tham gia phiên tòa: Ông Châu Pho Ly – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 136/2022/TLST-HNGĐ, ngày 23 tháng 3 năm 2022 về: “*Tranh chấp ly hôn*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2022/QĐXX- DS ngày 05 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Bùi Thị Bích T, sinh năm: 1991; địa chỉ cư trú: Số nhà 666, tổ 15, ấp TL, xã TP, huyện CT, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Võ Văn H, sinh năm: 1986; cư trú: Tổ 12, ấp VH, xã VG, huyện TT, tỉnh An Giang;

(Tại phiên tòa, bà T có mặt; ông H vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 21/3/2022 với các tài liệu kèm theo cũng như quá trình tố tụng tại tòa, bà Bùi Thị Bích T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà với ông H được hình thành là do mai mối, được cha mẹ đứng ra tổ chức đám cưới cho hai người vào năm 2009, hôn nhân có đăng ký kết hôn tại UBND xã VG, huyện TT, tỉnh An Giang, theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 41 ngày 25/8/2009. Cuộc sống chung hạnh phúc đến 2010 (sau khi sinh bé B) được khoảng 03 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là ông H không quan tâm vợ con mà luôn lo ăn nhậu, cờ bạc, số đề ... bà thì thường xuyên khuyên ngăn mong ông có ngày thay đổi, nhưng ông chẳng những không thay đổi mà tỏ

ra ăn chơi cờ bạc nhiều hơn, cứ mỗi năm lại thiếu nợ 01 lần, bà phải làm lụng lo cho con và còn phải lo trả nợ cho ông H, cứ vậy bà không thể chịu nổi mà phải bỏ nhà đi nhiều lần, cứ mỗi lần đi thì gia đình hàn gắn bà về chung sống lại, nhưng ông H lại tính nào tạt nẩy nên bà không thể chịu đựng được nữa rồi bỏ nhà đi lần sau cùng khoảng 01 năm nay. Trong thời gian ly thân gia đình có hàn gắn nhưng không thành. Nay bà xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên bà xin ly hôn với ông H.

Về quan hệ con chung: Bà với ông H có 02 con chung: 1/ Võ Thị Khánh B, sinh ngày 13/7/2010; 2/ Võ Thị Khánh Th, sinh ngày 26/4/2014, hiện đang chung sống với bà. Khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung: Bà với ông H không có tài sản chung;

Về quan hệ nợ chung: Bà với ông H không có nợ chung.

Tại phiên tòa, bà T bảo lưu ý kiến của mình. Riêng ông H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham dự phiên tòa nhưng ông vẫn vắng mặt.

Quan điểm của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết đúng theo trình tự thủ tục, xác định đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền xét xử. Trong quá trình tiến hành tố tụng, Thẩm phán cũng như Hội đồng xét xử (HĐXX) đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đương sự trong vụ án cũng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Bà T – ông H chung sống có đăng ký kết hôn, nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống ông H có không quan tâm đến bà, mà lo cờ bạc rồi gây nợ dẫn đến gây cãi và ly thân nhau nhiều lần...nên bà T xin ly hôn là có căn cứ. Về con chung, các con có ý nguyện tiếp tục chung sống với bà T, nghĩ nên công nhận. Về tài sản chung và nợ chung không xem xét. Từ phân tích trên đề nghị HĐXX xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của Kiểm sát viên. HĐXX nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng:* Bà T khởi kiện: “Tranh chấp ly hôn” với ông H, là thuộc thẩm quyền của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; ông H có địa chỉ cư trú tại xã VG, huyện TT, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện TT thụ lý giải quyết đúng thẩm quyền. Ông H được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do, nên HĐXX xét xử vắng mặt theo Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:* Bà T – ông H kết hôn và chung sống với nhau vào năm 2009, hôn nhân có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 41 ngày 25/8/2009, nên xem là hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên tòa, bà T bảo lưu ý kiến của mình, thể hiện do ông H không quan tâm vợ con mà luôn lo ăn nhậu, cờ bạc, số đề ... bà thì thường xuyên khuyên ngăn mong

ông có ngày thay đổi, nhưng ông chẳng những không thay đổi mà tỏ ra ăn chơi cờ bạc nhiều hơn...

Qua trình bày của bà T, mặc dù ông H vắng mặt, nhưng tại các biên bản xác minh vào cùng ngày 04/7/2022 của Tòa án thể hiện: Vợ chồng bà T – ông H có mâu thuẫn từ hơn 03 năm nay, do ông H thường xuyên tham gia cờ bạc, dẫn đến nợ nần, gia đình cha mẹ phải xuất tiền ra trả và khuyên ngăn H từ bỏ, nhưng H không bỏ được... bản thân người cung cấp sự việc xét thấy khả năng vợ chồng T – H chung sống lại là không thể...

Với những chứng cứ thu thập vừa nêu, xét mâu thuẫn giữa bà T – ông H đã thật sự trầm trọng; đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, HĐXX nghĩ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

[3]. *Về quan hệ con chung*: Xét thấy, 02 con chung tên: Võ Thị Khánh B, Võ Thị Khánh Th, từ khi bà T – ông H ly thân nhau đến nay hai con chung là do bà T nuôi, tình cảm giữa bà T với B, Th thật sự gắn bó, ý nguyện của 02 con chung là khi cha mẹ ly hôn tất cả yêu cầu tiếp tục chung sống với mẹ. Do đó, để không xáo trộn về tâm sinh lý của các con cũng như để các con phát triển tốt về sau, HĐXX nghĩ nên chấp nhận giao 02 con chung cho bà T tiếp tục nuôi là hoàn toàn phù hợp.

HĐXX cũng giải thích cho bà T biết: Trong thời gian nuôi con, bà T cùng người thân trong gia đình không được cản trở ông H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con và theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Theo quy định của pháp luật, khi ly hôn bên không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nhưng bà T không yêu cầu nên HĐXX công nhận sự tự nguyện.

[4] *Về quan hệ tài sản chung, nợ chung*: Bà T khai, bà và ông H không có tài sản chung và không có nợ chung. Tuy nhiên do ông H vắng mặt, nên HĐXX không xem xét và không đề cập ở phần quyết định, mà giải thích cho bà T biết nếu sau này ông H có chứng cứ khác chứng minh có tài sản chung, nợ chung và ông H có yêu cầu thì Tòa án sẽ xem xét thụ lý giải quyết theo quy định của pháp luật.

[5] *Về án phí*: Bà T là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; các bên không phải chịu án phí nào khác.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của bà Bùi Thị Bích T.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị Bích T được ly hôn với ông Võ Văn H.

Về quan hệ con chung: Bà Bùi Thị Bích T tiếp tục nuôi 02 con chung: 1/ Võ Thị Khánh B, sinh ngày 13/7/2010; 2/ Võ Thị Khánh Th, sinh ngày 26/4/2014.

Công nhận tự nguyện của bà Bùi Thị Bích T không yêu cầu ông Võ Văn H phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà T cùng người thân trong gia đình không được cản trở ông H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về án phí: Bà Bùi Thị Bích T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được chuyển từ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0008282 ngày 21/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TT (bà T nộp đủ).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (02/8/2022), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

(Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự).

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAT;
- VKS huyện;
- THADS để thi hành.
- Các đương sự;
- UBND xã VG;
- Lưu hồ sơ;
- Vp.

Lê Văn Huệ